

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tình hình hoạt động tài chính năm 2025 của Trường tiểu học Mỹ Thịnh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC MỸ THỊNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 927/SGDDĐT-TC của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình, ngày 25/9/2025 V/v thực hiện các khoản thu tại các cơ sở giáo dục công lập năm học 2025- 2026;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai tình hình hoạt động tài chính năm 2025 của trường tiểu học Mỹ Thịnh (theo biểu đính kèm)

Điều 2: Tổ trưởng tổ Văn phòng, Kế toán trưởng, các tập thể, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện quyết định này.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- UBND phường Mỹ Lộc (để BC);
- Công TTĐT
- Lưu VT.



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2025

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dư đầu kỳ	Số thu	Số chi	Dư cuối kỳ
I	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC		4.376.018.000	4.376.018.000	0
	1. Nguồn tự chủ		4.155.346.000	4.155.346.000	
	- Chi lương và các khoản thanh toán cho cá nhân		3.709.028.249	3.709.028.249	
	- Chi chuyên môn, nghiệp vụ		298.110.497	298.110.497	
	- Chi mua sắm, sửa chữa TSCĐ		129.907.254	129.907.254	
	- Tiết kiệm chi		18.300.000	18.300.000	
	2. Nguồn không tự chủ		8.745.000	8.745.000	
	3. Khen thưởng theo ND 73		211.927.000	211.927.000	
II	NGUỒN THU KHÁC	301.234	1.263.219.948	1.217.011.561	46.509.621
1	Trông giữ xe đạp, xe máy, xe đạp điện		9.490.000	8.722.000	768.000
	1. Chi công coi xe			6.643.000	
	2. Nộp thuế GTGT, TNDN			949.000	
	3. Mua bạt che nắng			1.130.000	
2	Giáo dục kỹ năng sống		17.496.000	17.496.000	
	1. Mua phần mềm Poki			6.246.000	
	2. Chi trả giáo viên giảng dạy trực tiếp và quản lý hành chính			9.146.340	
	3. Trả tiền điện			1.868.265	
	4. Nộp thuế TNDN			219.600	
	5. Phí tiền gửi			15.795	
3	Tiền nước uống học sinh		30.060.000	30.060.000	
	1. TT tiền mua nước uống học sinh			30.060.000	
	Dịch vụ vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh		54.108.000	50.968.000	3.140.000
4	1. TT tiền vệ sinh lớp học, dọn khu vệ sinh			35.000.000	
	2. Mua dụng cụ dọn vệ sinh			15.968.000	
5	Dịch vụ ăn bán trú		620.152.000	620.152.000	
	- Nộp tiền mua suất ăn bán trú về công ty AVA			620.152.000	
6	Dịch vụ quản lý, chăm sóc trẻ (học sinh) buổi trưa ăn bán trú và ngoài giờ hành chính		179.634.000	179.634.000	
7	Đầu vào bán trú		37.050.000	18.896.445	18.153.555
	1. Mua vật tư phục vụ bán trú			18.896.445	
8	CSSKBD		26.127.487	2.011.349	24.116.138
	1. Thanh toán tiền mua thuốc, vật tư y tế			2.011.349	
9	Lãi tiền gửi tại kho bạc	92.498	146.611	161.717	77.392
	- TT tiền phí chuyển tiền năm 2025			161.717	
10	Hỗ trợ chi phí học tập		9.450.000	9.450.000	
11	Số LLĐT		24.430.000	24.430.000	
	1. Nộp về VNPT Nam Định			24.430.000	
12	Thưởng		17.210.000	17.210.000	
13	Bảo hiểm y tế:		237.820.050	237.820.050	
	- Nộp tiền BHYT học sinh về BHXH TP Nam Định			237.820.050	
14	Lãi tiền gửi tại ngân hàng	208.736	45.800		254.536